

Bài 70. Kinh Tăng Chi | Chương Ba pháp | Phẩm Kẻ Chiến Sĩ | Sư Giác Nguyên giảng 04/06/2018

Hôm nay chúng ta học phẩm mới: Phẩm Chiến sĩ.

Chúng ta biết rằng hồi xưa chưa có khoa học hiện đại như bây giờ, thì ngoài chiến trường, phương tiện di chuyển tốt nhất là ngựa, và vũ khí đặc dụng, nguy hiểm, hiệu quả nhất là cung tên. Bài kinh này Đức Phật mượn hình ảnh một phương tiện chiến tranh để nói đến vấn đề tinh thần.

Giống như tinh thần của Hưng Đạo Vương nước mình trong quyển Binh thư yếu lược có một câu rất quan trọng: “Quý hồ tinh bất quý hồ đa”. Nghĩa là trong binh bị, trong quân sự, số đông không quan trọng bằng chất lượng quân đội.

Ở đây, Ngài nói rằng ngoài chiến trường quân đội có đông cách mấy, cung tên có nhiều cách mấy đi nữa, nhưng tựu trung lại cái sức tấn công, cái hỏa lực hiệu quả mới là đáng kể. Xưa nay, trong bất cứ quốc gia nào thì lực lượng vũ trang kề cận các nguyên thủ bao giờ cũng là mạnh nhất. Ở đây Đức Phật dùng hình ảnh những người lính kề cận vua bắt buộc phải là những người thiện xạ bắn giỏi.

Thiện xạ đây có ba khía cạnh:

Một là khả năng bắn xa chính xác. Thường bắn gần là chính xác, bắn xa khó chính xác, nên chuyện đầu tiên, người lính đó phải có khả năng bắn xa.

Thứ hai là khả năng bắn nhanh, kịp thời đúng lúc. Chớ còn giặc tới nơi rồi mà còn lắp tên, lọng cọng lúng túng thì chết rồi.

Thứ ba là phải có sức công phá, nhắm chỗ nào hiệu quả nhiều và lớn.

Ở đây Đức Phật Ngài dạy một người lính kề cận vua phải có ba khả năng bắn tên như vậy. Thì trong Phật pháp, vị tỳ kheo cũng phải hội đủ ba khả năng giống vậy. Một tỳ kheo hay một hành giả nói chung chính là những người lính trên chiến trường đối

diện với phiền não, với sanh tử, bắt buộc họ cũng phải có khả năng giống như một người lính trên chiến trường vậy đó.

Nếu người lính có khả năng bắn xa thì ở đây vị tỳ kheo cũng có khả năng bắn xa. Bắn đây không phải bằng tên mà bằng trí. Còn xa đây có nghĩa là vị này có khả năng quán chiếu không giới hạn.

Khả năng quán chiếu không giới hạn là sao? Có những người nói tu này tu kia, nhưng họ chỉ có khả năng buông bỏ một ít, hạn chế trong một giới hạn nào đó thôi. Lâu lâu bỏ tiền túi ra bố thí một ít, nhưng số đó không bao nhiêu so với tổng số họ có. Nói quán vô ngã, vô thường, nhưng họ quán gì quán chớ không bao giờ họ lìa bỏ được tình thân. Tài sản thì “đồng tiền liền khúc ruột”, còn tình cảm của họ thì tối ngày quần quanh vợ chồng, con cái, anh em máu mủ, bạn bè, người quen biết. Nói chung, họ không có khả năng quán chiếu vô hạn vô lượng.

Còn vị tỳ kheo là người hành giả có khả năng quán chiếu vô hạn vô lượng. Là xa gần, thô tế, thắng liệt, quá khứ, hiện tại, vị lai, vị này có một cái nhìn thông suốt, không bị ngăn ngại, không biên tế, không bờ mé, không giới hạn.

Cái này khó! Bởi vì có nhiều người bố thí gì bố thí chớ có một vài món họ không cho được, không phải vì nhu cầu mà vì sở thích. Về giới cũng vậy. Một số giới đối với họ giữ rất dễ, nhưng có một số giới lại giữ rất khó. Thiên định cũng vậy, họ tu gì thì tu chớ niệm hơi thở, niệm Phật, niệm tâm từ, nhưng đặc biệt họ kỵ niệm những cái đụng tới thẩm mỹ, nhan sắc của họ. Như vậy, với loại người này, việc tu tập của họ chưa tới nơi tới chốn, bởi vì họ còn bị những giới hạn, hạn chế.

Còn các vị hành giả nói chung và các tỳ kheo nói riêng đã là quán chiếu Tam tướng: vô thường, khổ, vô ngã, thì không có biên tế, không bờ mé. Vị đó có khả năng buông bỏ hết mọi thứ. Nghĩa là xa bao nhiêu, lâu bao nhiêu thì trong nhận thức vị này tất thấy đều vô ngã, vô thường, không có cái gì là tôi, là của tôi.

Tôi nhắc lại. Đa phần mình nói tu vậy chứ mình tu mình lựa. Giữ giới cũng có màn lựa nữa. Tức là lựa những giới nào sung sướng mình giữ. Ăn phải có người dâng, không được nhổ cỏ, không được nấu ăn, đi đâu có kẻ đưa người đón. Còn một số giới thì quên, không muốn giữ. Tức là giữ giới còn có bờ mé, còn có hạn chế.

Rồi trong định, trong tuệ cũng vậy. Tu tập quán gì quán chứ cái gì dính tới tình thân, tới ruột của mình thì mình không dám rút ra.

Cho nên chuyện đầu tiên ở đây là bản xa, có nghĩa là vấn đề không gian và thời gian không là gì trong sự quán chiếu Tam tướng của hành giả. Chuyện này rất khó, bởi tôi cũng đã nói nhiều lần: mắt của mình bị cận thị, viễn thị thì trong tâm lý mình cũng vậy.

“Tâm lý cận thị” có nghĩa là người này chỉ có khả năng loay hoay chung quanh mình thôi. Cái này mình thấy nhiều lắm, như đi chùa cầu phước, nguyện kiếp sau đẹp, giàu; mong được gặp lại người mình thương, mình quý. Chỉ vậy thôi. Chớ chuyện Niết bàn là gì, tại sao phải cầu thoát sanh tử... thì đối với họ nó xa vời lắm. Họ chỉ lo cầu trước mắt thôi. Loại này là Phật tử cận thị.

Còn Phật tử viễn thị là ăn rồi lo triết lý cao siêu, kinh này kinh nọ; trong khi chuyện gần gũi thiết thân nhất, chuyện gia đình thì trách nhiệm bốn phận làm không nổi, chuyện trau dồi giáo lý căn bản lại không có. Cứ lo chuyện trên mây như loại định này, tam muội kia, cõi Tịnh cư, cõi Vô tướng, tâm vương, tâm sở... trong khi những chuyện gần gũi chung quanh họ không biết. Loại này là Phật tử viễn thị.

Còn loại Phật tử “loạn thị” nghĩa là học ba mớ, nghe cái này hiểu nhầm cái kia. Như hôm qua tôi nói bà kia bả nghe Thất thánh sản thì bả hiểu là tài sản của riêng Thánh nhân, thì cái loại đó là loạn thị.

Còn có loại bệnh “siêu thị” nữa. Ở ngoài đời, bệnh siêu thị là thích mua sắm, còn người Phật tử mắc chứng “siêu thị” là thấy thầy bà nào cũng nhào vô hết. Thấy người nào dễ thương, dễ mến, đối xử tốt với mình; người nào gần nhà mình, tiện đi lại; chùa

nào bự, đẹp, chùa nào nổi tiếng thì nhào vô, bất kể có giúp ích được gì cho mình hay không. Thầy bà, chùa miếu, kinh sách không quan trọng, miễn là cái đó nằm trong tầm ngắm, chọn lựa của thị dục, thị hiếu của mình thôi.

Ở đây vị tỳ kheo phải giống như người chiến sĩ bắn tên, phải có tầm nhìn xa. Nhờ vậy mới có khả năng bắn xa và chính xác, tức là có cái viễn kiến, khả năng quán chiếu danh sắc các pháp không có giới hạn không gian, thời gian.

Tiếp theo, người lính bắn tên phải có khả năng bắn nhanh, kịp thời, kịp lúc. Thì giống vậy, bắn nhanh là người tỳ kheo kịp thời nhận ra trong một khoảnh khắc rất ngắn: đây là Khổ, đây là Tập, đây là Diệt, đây là Đạo.

Hành giả cứ nhớ: tất cả những gì là thích nảy ra trong đầu mình, đó chính là Tập đế.

Thí dụ tôi đang đi kinh hành. Đi biết là đi, giở chân biết là giở chân; giở, bước, đạp biết rõ. Có một cảm giác khó chịu thoáng qua là tôi biết: “Ồ, đây là cảm giác khó chịu.” Nực quá, ngứa quá, tôi biết. Lúc đó có cái phiền não xuất hiện, tôi biết lúc đó tôi đang chánh niệm.

Nhưng khi đắc chứng thì đắc chứng cái gì? Khi đắc chứng chúng ta biết ngay rằng bất cứ cái gì thuộc về thích thì nó thuộc về Ái, tức là Tập đế. Ngoài Tập đế ra, tất cả đều là Khổ đế. Làm ơn nhớ dùm cái này: “Ngoài Tập đế ra, tất cả đều là Khổ đế”.

Trong room chắc ngạc nhiên tại sao tôi nói một cách hàm hồ, bất cần như vậy. Xin thưa, trong cõi tâm của phàm phu, ngoài lòng ham thích ra, tức là Tập đế, thì còn lại đều là Khổ đế. Khi ta sống trong nhận thức về Khổ, về Tập như vậy, chính là ta đang hành trì Đạo đế.

“Hành giả biết rõ bất cứ cái thích nào xuất hiện trong lòng ta đều là Tập đế, nguyên nhân của khổ. Ngoài Tập đế ra, tất cả đều là Khổ đế.” Đó là hai nhận thức.

Nhận thức thứ ba: “Khi hành giả liên tục sống trong hai nhận thức như vậy, cũng có nghĩa là hành giả đang hành trì Đạo đế.”

Còn Diệt đế là sao? Khi nào một trong bốn Thánh trí đó xuất hiện thì lúc đó chính là Đạo đế. Thánh trí đây có nghĩa là Tu-đà-hườn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán. Phải nhớ như vậy. Sự vắng mặt phiền não thông qua Thánh trí thì gọi là Niết-bàn.

Các vị đừng tin tôi. Các vị làm ơn vào Google đánh chữ: “Hữu diệt là Niết-bàn. Ái diệt là Niết-bàn. Ái tận là Niết-bàn”, cứ đánh keywords như vậy coi coi người ta sẽ dẫn mình đến bao nhiêu bài kinh có định nghĩa như tôi vừa nói, nghe!

Tôi nhắc lại. Bản nhanh là sao? Nghĩa là trong một khoảnh khắc, hành giả nhận ra được Bốn đế có mặt như thế nào. Trong một khoảnh khắc rất ngắn, hành giả kịp thời nhận ra là: “Ồ, thì ra là mình sống quẩn quanh trong mấy cái đế rồi chứ không gì hết. Chỉ có Khổ, Tập, Khổ, Tập, Khổ, Tập.” Và khi ta sống trong nhận thức về Khổ, Tập, cũng có nghĩa là ta đang hành trì cái Đạo đế.

Tôi nhắc lại lần nữa: “Hành giả liên tục và liên tục, thường trực thấy rằng bất cứ cái thích nào nảy ra trong lòng mình, mình biết ngay nó là Tập đế. Tập đế là lòng tham ái. Hễ có tham ái là chúng ta đang kín đáo, âm thầm, lặng lẽ tạo ra một cái khổ trong tương lai.”

Cứ nhớ nhiều đó. Bởi vì sao? Là vì muốn có tâm đầu thai, chúng ta phải có tâm tham. Nhớ nghe. Phải người còn tâm tham mới có tâm đầu thai. Người còn tâm tham thích trong 5 dục thì mới sanh trở lại cõi Dục. Người còn tâm tham thích trong cõi Sắc thì mới sanh về cõi Sắc. Người còn tâm tham thích trong cõi Vô sắc thì mới sanh về cõi Vô sắc.

Chúng ta dĩ nhiên đâu có ai đặc thiên gì đâu, cho nên toàn bộ những cái tham thích chúng ta mỗi ngày đều là quẩn quanh trong 5 dục. Sắc, thanh, khí, vị, xúc, ngay cả cảnh pháp trần, cảnh suy tư trong đầu mình thì nó cũng chỉ là liên hệ đến 5 dục mà ra. Thí dụ mình liên tưởng tới một bức tranh, nhắm mắt lại nghĩ tới một bài hát, một câu thơ, thì tất cả đều là một pháp trần mà liên hệ tới 5 dục trần.

Hành giả cứ nhớ như thế này: bất cứ một cái thích nào mà nó thoáng qua trong lòng mình đều là Tập đế hết. Ngoài Tập đế, bất cứ một ghi nhận nào thấy có thích, biết đây là Tập đế; mà thấy cái gì không phải là Tập đế thì dứt khoát cái đó là Khổ đế. Chắc chắn như vậy, nhe! Cứ nhìn vô lòng mình, biết cái nào là thích thì biết đây là Tập. Mà ngó vô không thấy Tập thì biết đây là Khổ đế, cứ hồn nhiên đi như vậy.

Và cái hiểu thứ ba của hành giả là hành giả thấy rằng bất cứ khi nào mà mình thấy rõ cái sự có mặt của Khổ và Tập, không bỏ sót một mảy may nào hết, thì với một nếp sống thường trực nhận thức về sự có mặt của Khổ và Tập như vậy đó, thì nếp sống ấy được gọi là Đạo đế. Bởi vì Tứ niệm xứ chỉ là sự nhận diện Khổ và Tập thôi. Làm ơn ghi dùm câu này:

“Toàn bộ hành trình tu tập Tứ niệm xứ chỉ là quan sát Khổ đế và Tập đế.”

Thí dụ như biết rõ tôi đang tâm sân thì đó là Khổ đế. Biết rõ đây là tâm tham, đó là Tập đế. Biết rõ đây là tâm thiện, thì đó là Khổ đế. Cứ nhớ như vậy, nhe!

Có vị sẽ hỏi: “Ừa, sao tâm thiện cũng là Khổ đế?” Xin thưa, trong A-tỳ-đàm kể rất rõ. Khổ đế là tất cả mọi sự hiện hữu của danh sắc, thân tâm đều gọi là khổ. Còn Tập đế là chỉ cho tâm tham, tâm sở tham. Còn Diệt chính là Niết-bàn. Còn Đạo chính là Bát chi đạo.

Mà Bát chi đạo trong trường hợp mình tách nó ra để mình phân tích thì nó đúng là Đạo đế. Nhưng nếu mình không tách nó ra thì nó vẫn cứ là Khổ đế.

Tôi ví dụ, tôi thấy quý vị đi chợ, tôi nói mua dùm tôi 3 trái cam. Lát sau quý vị mang về cho tôi 3 trái cam. Đã nói trái cam thì từ vỏ cho tới hột, tới cùi, tới múi, tới xơ, tất cả gì của trái cam thì đều gom trong cái gọi là trái cam hết. Nhưng khi tôi lột ra, xắt ra, mời quý vị ăn. Ăn rồi tôi nói thế này: “Cam này ngọt quá! Bây giờ mấy vị thích muốn trồng thì lấy hột này đi trồng.” Khi nói chung thì tôi nói cái này trái cam. Nhưng khi tách nó ra thì tôi nói đây là hột cam, đây là vỏ cam, đây là múi cam.

Cũng vậy, mọi hiện hữu trên đời này đều là khổ. Nhưng trong đó, sở dĩ mình rút riêng cái tham ái ra là bởi vì nó vừa là khổ, vừa là nguyên nhân sanh ra khổ. Thế là Đức Phật Ngài rút riêng nó ra, Ngài kể thành một đế. Chớ giả sử mình không rút nó ra thì sự có mặt của tâm tham cũng là một cái khổ. Quý vị nhớ nhe.

Trong Kinh Chuyển pháp luân, trong đó Ngài nói rất rõ: “Sanh là khổ, già là khổ, đau là khổ, chết là khổ.” Sanh ở đây là sự xuất hiện của danh và sắc, nói chung, chớ không hẳn là của riêng cái gì, sự có mặt của bất cứ cái gì. Già là sự căn cỗi, biến tướng của bất cứ cái gì ở đời là khổ. Rồi chết, chết ở đây là sự biến mất của danh và sắc, cũng đều gọi là khổ hết. Bốn cái sanh, lão, bệnh, tử tất thảy đều là khổ.

Trong đó còn ghi rõ: “Sankhittena pancupadanakkhandha dukkha”: Nói vắn tắt lại, 5 uẩn đều là Khổ đế. “Sankhittena” là nói gọn lại.

Cho nên hành giả phải có khả năng trong từng khoảnh khắc biết rõ Bốn đế đang có mặt, hay là ba đế đang có mặt, hai đế đang có mặt, thì cái tốc độ đó được gọi là sức bắn nhanh của một người lính.

Cái cuối cùng, anh bắn nhanh, anh bắn xa, nhưng mà có tác dụng hay không. Một người lính thiện xạ thứ thiệt có khả năng bắn xa mà vẫn trúng. Thứ hai, bắn nhanh vẫn không trật. Thứ ba là mũi tên đó phải có hiệu quả nhất định, có tác dụng công phá.

Ở đây cũng vậy, vị tỳ-kheo có khả năng quán chiếu vô hạn.

Nghĩa là bất cứ gì gần nhất, xa nhất, trong ngoài, trên dưới, vị này đều một lòng buông bỏ với nhận thức rằng: đây không phải là tôi, đây không phải là của tôi; tất cả đều do duyên giả hợp mà có, duyên tụ, duyên tán. Đủ duyên có mặt, đủ duyên rồi mất. Tất thảy đều là do duyên mà mọi thứ có mặt, rồi cũng do duyên mà mọi thứ biến mất. Đó là cái thứ nhất.

Thứ hai, hành giả phải có khả năng nhận thức rằng đời sống này chỉ quẩn quanh trong mấy đế thôi. Dầu có là công hầu khanh tướng, ăn mày, ăn cướp, kỹ nữ, du đảng gì đi nữa, thì tất thấy, từ trên cõi Hữu Đảnh Phạm thiên cho tới A-tỳ địa ngục, tất thấy đều nằm quẩn quanh trong mấy đế thôi: Khổ, Tập, Khổ, Tập, Khổ, Tập. Bao nhiêu kiếp sanh tử luân hồi chúng ta chỉ quẩn quanh trong cái khổ và niềm đam mê trong khổ.

Cứ đọc như câu thần chú:

“Toàn bộ vũ trụ và vô số chúng sanh trong tam giới, tam thế, ba đời, mười phương vũ trụ, tất thấy đều quẩn quanh trong cái khổ và niềm đam mê trong khổ. Mọi thứ trên đời là khổ. Thích cái gì cũng là thích trong khổ”.

Đọc như vậy còn linh hơn niệm Phật. Bởi niệm Phật không biết khi nào đắc quả, tôi không biết, nhưng niệm cái này thì đắc à. Mà trước mắt mình giảm khổ rất nhiều. Cứ niệm: mọi thứ ở đời đều là khổ. Thích cái gì cũng là thích trong khổ. Thích nhìn, thích nghe, thích ngửi, thích nếm, thích sờ chạm, thích suy tư, tất thấy đều là thích trong khổ. Như vậy toàn bộ đời sống mình chỉ toàn là Khổ và Tập thôi.

Định nghĩa này gọn nè: Tập đế chính là niềm đam mê trong Khổ đế.

Vậy cái thứ ba là gì? Anh bắn nhanh, bắn xa, nhưng cú bắn của anh nó có đem lại tác dụng, hiệu quả gì hay không? Có! Tôi đã bắn trúng quân địch. Tôi đã bắn trúng sợi dây treo cái cầu dẫn vào thành.

Ở đây cũng vậy. Hành giả thấy nhanh, thấy xa, cái thấy đó giúp hành giả lìa được vô minh. Lìa có hai cách: lìa theo phàm trí và lìa theo Thánh trí.

Lìa theo Thánh trí nghĩa là chúng ta vĩnh viễn lìa khỏi vô minh, vô minh trong Bốn đế. Có nghĩa là từ bây giờ trở đi, vĩnh viễn mình không còn bị mù mờ, mơ hồ trong Bốn đế. Luôn luôn biết rõ: mọi thứ ở đời là khổ. Thích cái gì cũng là thích trong khổ.

Không muốn khổ nữa thì đừng thích trong khổ. Sống trong ba nhận thức này gọi là con đường thoát khổ. Đó là nhận thức bằng trí tuệ thánh nhân.

Còn tối thiểu, nếu kiếp này không đủ duyên lành đắc Thánh, thì với nhận thức này, ngay trong đời này ta cũng được an lạc hiện tiền, không có tiếp tục trong mê lầm vọng tưởng nữa. Còn chuyện chết rồi đi theo nghiệp quá khứ, sa đọa hay đi lên, thì chuyện đó không nói được, cũng không biết được. Nhưng có điều ít ra chuyện tu hành hôm nay nó cho mình hai điều: thứ nhất là an lạc hiện tiền; thứ hai là gieo duyên lành giác ngộ đời sau kiếp khác. Gặp được chánh pháp, chỉ cần nghe qua một câu là đắc ngay, khỏi phải rừng cao núi sâu, chay tịnh khổ hạnh, đắp y mang bát rồi trải qua bao nhiêu khổ nạn trong đời tu mới đắc quả. Đẳng này mình cứ gieo duyên, đời sau gặp Phật, hoặc chỉ nghe Chánh pháp một câu là mọi thứ kết thúc ngay.

Hôm nay chúng ta học bài kinh này là học như vậy đó. Bài kinh này nếu đọc một mình thì cũng hơi nản. Nhưng nếu có ai đó cùng chia sẻ với mình thì hình như dễ đọc hơn một chút. Bởi vấn đề bài kinh chạm đến vấn đề lớn nhất của một người học Phật.

Chúng tôi ôn lại:

Thứ nhất, người lính phải có khả năng bắn xa. Ở đây hành giả cũng có khả năng quán chiếu không giới hạn. Không giới hạn là sao? Có nhiều người cái gì cũng vô thường, nhưng người thương của tôi thì nằm ngoài cái vô thường. Cái gì cũng vô ngã, vô thường, nhưng tài sản, nhan sắc của tôi thì không vô thường. Chính vì mình còn chấp riêng tư một cái cõi vọng tưởng cho nên khi va chạm thực tế đắng chát chua cay, mình vượt không nổi. Bởi vì sức quán chiếu của mình chưa tới nơi.

Hành giả phải có một trí tuệ quán chiếu không biên tế, không bờ mé, không hạn chế, không giới hạn. Rằng tất cả những gì xa nhất, gần nhất, những gì tôi thương nhất, tôi ghét nhất, chán sợ nhất, đam mê nhất, tất cả đều là vô ngã, vô thường, không có gì là “tôi” hay “của tôi”.

Thứ hai, hành giả quán chiếu thấy rằng toàn bộ đời sống của mình chỉ quán quanh trong Khổ đế và Tập đế. Thường xuyên sống trong nhận thức này sẽ có ngày mình thấy rõ Đạo và Tập đế.

Thứ ba, hành giả thông qua hai khả năng, là quán chiếu không biên giới và quán chiếu Bốn đế, thì hành giả sẽ có được cái thứ ba, chính là phá thủng được bức màn vô minh.

Ngày kia, ngài A Nan đi bát về thưa với Đức Phật:

“Ngày nay con đi bát về, con thấy một ông kia bắn cung giỏi lắm. Ông có thể hái cả cây xoài bằng cách bắn tên. Ông chẳng những hái được trái xoài mà còn bẻ được lá xoài, cắt được mấy nhánh xoài mà toàn bằng cách bắn cung thôi”.

Các vị đừng hiểu lầm là ngài A Nan đi bát rồi ngó chuyện này chuyện kia về kể cho Phật nghe cho vui. Không phải! Ngài đi bát vẫn chánh niệm tỉnh giác, mà khi chuyện xảy ra bên cạnh, Ngài vẫn biết. Ngài thấy thì Ngài suy tư rằng chuyện này về thưa với Phật thế nào cũng có một pháp thoại quan trọng đây.

Khi Ngài về thưa với Phật chuyện ông bắn tên giỏi vậy, thì Phật hỏi ngài A Nan:

“A Nan nghĩ sao, chuyện ông bắn tên đó, cái khả năng giỏi đó, so với việc chẻ sợi tóc ra làm bảy rồi mình túm nó lại thành một, cái nào khó hơn?”.

Thì ngài A Nan mới bạch:

“Thế Tôn, nếu so như vậy thì chuyện bắn tên của ông đó chẳng nghĩa lý gì. Bởi vì chuyện chẻ sợi tóc ra làm bảy rồi túm lại thành một, con thấy chuyện này không thể thực hiện được, chớ không nói là khó”.

Đức Phật Ngài nói là:

“A Nan có biết không, chuyện chẻ sợi tóc ra làm bảy rồi túm lại thành một, nghe nó khó như vậy, bất khả thi như vậy, nhưng so ra nó còn dễ hơn việc mà một người nhận

diện được Bốn đế trong đời sống”.

Chuyện mà nhận diện được Bốn đế trong đời sống, cái chuyện mà tôi vừa nói cho bà con nghe đó, chỉ là nhận thức thông qua cái trí Văn, thông qua sách vở, thông qua kiến thức từ chương. Chớ còn nhận thức thực sự của một người đắc Đạo thì nó không có như vậy, nó nhanh vô cùng. Cùng một lúc họ trực nhận liền.

Tôi ví dụ thôi nghe. Thí dụ họ nhìn một người đàn bà là họ biết ngay các khía cạnh của người đó: đây là mẹ mình, vợ của ba, dâu của ông nội, con gái của ông ngoại, là người đã sanh ra mình. Nhìn là thấy cái rẹt như vậy đó. Trong khi thấy Bốn đế là thấy y chang như vậy. Nhìn một cái là thấy tất cả các khía cạnh. Thấy rằng niềm đam mê này chính là Tập đế.

Mà cái gì nằm ngoài niềm đam mê chính là Khổ đế. Và sống trong nhận thức này chính là Đạo đế. Còn bốn Thánh trí xuất hiện đó chính là Diệt đế. Thấy nhanh như vậy đó.

Giống như hồi nãy tôi nói, vừa nhìn thấy một người đàn bà là thấy ngay, biết ngay: đây là má mình, người đã sanh ra mình, đây là dâu của ông nội, là con gái của ông ngoại, và đây là vợ của ba. Thấy biết liền, chớ không phải cần ngồi mà vắt óc vò trán suy nghĩ: má mình là ai, là vợ của ba, mà ba là rể của ông ngoại, mà ông ngoại là ba của má, má là dâu của ông nội. Vậy đó!

Mình học tiếp qua Kinh 132.

BÀI KINH 132

Bài Kinh này rất ngắn, trên ấn bản tiếng Việt chỉ có 3 dòng thôi, nhưng nó lớn chuyện kinh khủng lắm. Lớn chuyện là sao? Là bởi vì tôi đang đưa mặt ra cho người ta ném đá nè. Khổ vậy! Tôi là người vô danh, tôi không có chùa miếu, đệ tử, học vị, tôi không có gì hết, mà giờ tôi dám ngồi bình luận bản dịch này thì chết tôi rồi!

Bản Pali thì ngó vô sáng trưng, trong khi bản tiếng Việt đọc vô hiểu được chết liền!

“Này các tỳ kheo, có ba hội chúng này. Thế nào là ba? Một là hội chúng điều luyện về khoa trương. Hai là hội chúng điều luyện về chất vấn. Ba là hội chúng điều luyện về tùy theo sở thích”.

Trong khi bản Chú giải Pali thế này: “Dutiye ukkacitavinitati appatipucchitva vinita dubbinitaparisa”. Cái hội chúng thứ nhất là hội chúng khó dạy. Khó dạy là sao? “Appatipucchitva vinita” có nghĩa là với hội chúng này mình chỉ đoán mò mình nói thôi. Họ không có khả năng phản biện, không có khả năng đối thoại. Đó là hội chúng không có khả năng đối thoại và phản biện. Tức là mình nói sao họ nghe như vậy. Cái đó là may rủi. Chuyện mình huấn luyện được họ là may rủi.

Sẵn đây tôi cũng nói thiệt quý vị, tiếng Hán, tiếng Tàu tôi biết cũng giống như quý vị biết tiếng Miên vậy đó. Tôi phải nhờ cậy internet rất nhiều. Khi tôi đọc chữ nào không biết, thì tôi đi vô tự điển Hán Việt đó, copy chữ đó ra rồi paste lên tự điển. Các vị biết cái trò này không ta? Nên đừng để ai hù là biết tiếng này tiếng kia, nghe!

Vậy có ba hội chúng:

Khải môn huấn luyện.

Chất vấn huấn luyện.

Hoàn chỉnh huấn luyện.

1. Hội chúng thứ nhất là khai môn huấn luyện

“Ukkacitavinita parisa” là “khai môn huấn luyện”. Trong Hán Việt không có “mong” o, chỉ có “mông” ô thôi. “Mông” đây là mông muội, bóng tối. “Khải” là mở ra. “Khải môn” có nghĩa là vỡ lòng, làm cho nó bớt ngu. Như Việt Nam mình thời Pháp có những cuốn sách vỡ lòng dạy cho con nít, có cuốn “Khải môn ấu học” — sách vỡ lòng cho con nít. “Khải môn” đây có nghĩa là vỡ lòng.

Tức là đám hội chúng này không có khả năng phản biện và đối thoại. Mình cứ phán vô, giống như bắn đạn chài vậy đó. Bắn cái rào, trúng đứa nào được thì trúng. Có nghĩa là mình chỉ có thể dạy họ bằng cách vỗ lòng mà thôi. Dạy từ A tới Z, cầm tay nắn nót từng nét một, gọi là khai môn.

2. Chất vấn huấn luyện

Nhóm thứ hai là cùng nhau đối thoại, là chất vấn huấn luyện. Mình dạy họ bằng cách chất vấn, hỏi han, đối đáp qua lại. Đối đáp qua lại, mình hỏi nó từng điều, mình nương theo câu trả lời của nó, mình dạy nó. Đó gọi là chất vấn huấn luyện. Các vị có nghe kịp không ta?

Có ba hội chúng. Hội chúng một: khai môn huấn luyện, có nghĩa nó nguyên là một bụi cỏ tầm tầm mù mù, mình chỉ phang đại vô thôi. Như nguyên đám con nít 5 tuổi, 4 tuổi, mình biết gì về tụi nó đây? Mình bèn dùng kiến thức sư phạm của một cô giáo dạy trẻ, hy vọng nói nó hiểu. Rồi dạy, làm việc với nó một tuần, hai tuần, một tháng, hai tháng, từ từ mình mới làm quen với từng đứa. À, đứa này nó vầy vầy vầy, toàn là mò không. Thầy thì mò, trò thì trong dạng vỗ lòng. Là khai môn huấn luyện.

Còn hội chúng thứ hai — nói quý vị đừng buồn, chứ trong room mình có đủ cả ba nhóm hội chúng hết. Nhóm thứ nhất là bản thân họ không có phản biện, không có đối thoại. Họ cứ ngồi trơ họ nghe, lọt được bao nhiêu thì lọt. Đó là nhóm khai môn. Nhóm thứ hai là nhóm chất vấn. Nhóm này mình có thể hướng dẫn họ bằng cách đặt cho họ những câu hỏi. Mình nương theo câu hỏi, mình đoán được trình độ và nhu cầu của họ để mình hướng dẫn.

3. Hoàn chỉnh huấn luyện

Nhóm thứ ba là mình đã nắm chắc họ là ai, người đó là như thế nào. Trong Chú giải ghi rất rõ: “yavatavinita”. Hạng thứ ba là sao? “Pamanavasena vinita”, tức là hướng dẫn người ta theo cách mình cân đong đo đếm. Pamananyata là biết rõ cái trình độ người ta, mình mới làm chuyện hướng dẫn. Chữ (...) ở đây còn có nghĩa là (...), nghĩa

là tùy thuộc vào cái căn cơ. “Ajjasaya” có nghĩa là căn cơ, khuynh hướng, tâm lý, trình độ. Hạng thứ ba này, ông thầy khi nắm được căn cơ của trò thì giảng cái rẹt.

Vậy có ba hội chúng:

Một là nhóm thầy mò mẫm để dạy.

Nhóm hai, thầy hỏi trò để qua đó tìm ra trình độ và nhu cầu của trò.

Nhóm ba, thầy biết rõ trò thế nào rồi theo đó hướng dẫn.

Vậy bài Kinh ngắn này có quan hệ gì vấn đề tu hành giải thoát không? Dạ có! Tất cả các thiền sư bài bản đều phải biết qua những bài Kinh kiểu này. Có những hành giả mình chỉ quan sát họ rồi mình cho họ đề mục. Nhưng có những hành giả mà mình không tiếp chuyện với họ, không đối thoại qua lại với họ thì trời biết họ là loại người như thế nào, vì có những người rất kín kẽ, rất khó dò.

Dầu là giảng sư, pháp sư, thiền sư, ngay cả một bốn sư dạy cho đệ tử tới tu với mình cũng phải biết bài Kinh này: ồ, thì ra học trò, đệ tử, hội chúng cũng có ba loại. Loại thứ nhất, nó không có khả năng đối thoại thì mình phải mò. Còn loại hai, thì nó có khả năng thì mình phải nói chuyện với nó. Còn loại thứ ba thì quá may mắn rồi, mình liếc qua mình thấy là biết rồi!

BÀI KINH 133

Bữa hôm tôi nói mình với Phật không khác nhau nhiều là tôi nói dựa vào bài Kinh này.

Đức Phật, chư Phật, chư Bồ tát là những người cho cái khó cho, nhịn cái khó nhịn, làm cái khó làm, nên đắc được pháp khó đắc, thấy được cái khó thấy. Còn mình thì cho cái khó xài, nói điều khó nghe, nên mình trở thành người khó ưa.

Ở đây đức Phật Ngài dạy bạn lành. Trong Kinh Thi-ca-la-việt ở Trường Bộ thì đức Phật định nghĩa người bạn tốt, Ngài nói khác ở đây. Thí dụ như chia sẻ khó khăn cho

nhau, không bỏ rơi nhau khi khốn khó, thí dụ vậy. Quý vị xem thêm Kinh Thi-ca-la-việt, nhe! Mình thấy ở đó Ngài định nghĩa về tình bạn khác, ở đây Ngài nói tình bạn khác. Nhưng tôi xin thề

Với các vị, cả hai nội dung đều y chang nhau, nhưng tùy đối tượng trước mặt là ai mà Thế Tôn có cách nói khác nhau.

Ở đây Ngài định nghĩa về tình bạn ngắn gọn, nhưng tôi cho rằng không thể nào đầy đủ hơn, là quá sức đầy đủ. Ngài nói bạn tốt với nhau dựa vào ba điều này:

Thứ nhất là cho cái khó cho: duddadam dadāti.

Thứ hai là dukkaram karoti.

Thứ ba là dukkhamam khamati.

Đều là chữ “du”. Chữ “du” nghĩa là khó.

Duddadam dadāti: cho cái khó cho. Chữ “du” là khó, “dada” là cho, “duddadam” là món khó cho, còn “dadāti” là cho.

Dukkaram karoti: làm chuyện khó làm.

Dukkhamam khamati: nhin chuyện khó nhin.

Tôi kể các vị nghe chuyện nhỏ nhỏ cho vui. Đời xưa đời xưa bên Tàu có đôi bạn rất thân, coi như thiên hạ đệ nhất tri kỷ, trở thành tấm gương thiên cổ cho người đời sau soi rọi, theo đó mà làm thành những tấm kim băng chi giao.

Có một cặp bạn rất thân. Vua nước Tề có hai con trai, một là công tử Bạch, một là công tử Củ. Mỗi ông này được một ông quan đi theo phò, ông nào cũng mong chủ mình về sau được làm vua hết. Chuyện đó dài lắm, các vị vào trong Google đánh chữ Quản Trọng, Bảo Thúc Nha. Tôi kể vắn tắt.

Cặp bạn này rất là thân. Mỗi lần đi buôn, ông Quán Trọng lần nào cũng chia phần lời, lấy số nhiều. Sau này đi lính, ra trận, thì Quán Trọng lúc nào cũng là người hành quân thì đi sau, mà rút quân lúc nào cũng đi trước.

Bạn bè của Bảo Thúc Nha mới trách:

“Tôi thấy ông hình như hơi ngu. Hết người chơi mà chơi với thằng cha Quán Trọng, gọi là hèn, mặt hạng. Đi buôn bán chia lãi lúc nào cũng lấy phần nhiều, để ông phần ít. Còn đi lính chung, hễ rút quân thì thằng chả đi trước, tiến quân thì thằng chả đi sau.”

Thì Bảo Thúc Nha mới nói thế này:

“Quán Trọng, bạn của ta, không phải là người chết nhất. Khi đi hành quân, bởi vì ảnh còn cha mẹ già ở nhà. Theo tôi biết, ảnh muốn giữ mạng để về hầu hạ cha mẹ lúc tuổi xế bóng. Quán Trọng không phải thằng hèn sợ chết, mà chỉ muốn giữ mạng cho cha mẹ thôi. Còn lúc đi buôn bán mà chia phần ít cho ta, bởi vì Quán Trọng biết ta là người độc thân một mình, không vợ con, không cha mẹ. Còn Quán Trọng có bao nhiêu người để gánh, gánh cả người thân và cả những người sơ. Mà Quán Trọng biết ta là người thông cảm, biết ta tin và hiểu Quán Trọng.”

Thì Quán Trọng nghe được vậy mới ngửa mặt lên trời nói rằng:

“Sanh ra ta là cha mẹ, mà hiểu ta là Bảo Thúc Nha.”

Cái câu này đã đi vào huyền thoại lịch sử văn hóa Trung Quốc, không ít người Việt cũng biết câu chuyện đó.

Bạn thân là bạn như vậy, thương nhau, quý nhau, hiểu nhau đến tơ tóc. Như ngài Xá Lợi Phất và Đức Phật, trong nhiều và nhiều kiếp trong quá khứ cũng là tri kỷ chi giao như vậy đó.

Tôi nhắc lại, bạn thân đây không có nghĩa là gặp ai cũng sấp vô. Bạn thân là khi xác định được đó là người lành, người trí, thì mình dốc sức hết lòng chơi với người ta. Bởi luôn luôn nhớ thế này: tìm được người lành trên đời này không phải chuyện dễ, mà người đó là bạn của mình nữa thì ôi thôi, đó là châu ngọc, là quý kim đó quý vị.

Mà đời khốn khổ ở chỗ người ta bị quẩn quanh trong danh lợi, cơm gạo áo tiền, cho nên người ta quên dần những giá trị tâm linh, những giá trị tinh thần. Người ta cô phụ những tấm lòng vàng, những tình bạn như kim cương.

Cho tôi nói câu này để bị ném đá lần nữa. Tôi không dám nhận là bạn tốt, nhưng nhiều khi tôi tiếc hùi hụi, tôi tiếc ngẩn ngơ một vài người mà họ đã lừa tôi, họ đi. Tôi nhắc lại, tôi chỉ là thằng rác thôi mà tôi thấy tiếc dùm họ. Tôi nói vì sao họ vì một cái cơ cở con con đó mà họ không chịu nhìn cái khác. Tôi nhìn, tôi tiếc, đó là chuyện của tôi.

Còn khi tôi nhìn những cặp bạn khác, khi mà tôi biết họ rã vì những lý do không đáng, tôi tiếc lắm, quý vị biết không. Bởi vì người lành tìm đã khó, mà hướng chỉ người đó lại là bạn của mình! Khi mình đã xác định đây là người lành và biết rõ đó là bạn của mình, thì chúng ta ngại khó khăn gì mà không dám vì nhau mà làm những chuyện khó làm, nhịn cái khó nhịn và trao ra cái khó trao?

Trong dòng sanh tử này, sự nghiệp lớn nhất là sự nghiệp giải thoát, nên người bạn quý nhất là người bạn có thể đứng về phía mình trong lý tưởng giải thoát. Còn nếu chỉ là bạn đời, bạn đường trong lý tưởng phàm phu thì thôi, cũng là bạn lành, nhưng cái quý nhất trên đời này vẫn là người bạn mà có thể chia sẻ cho mình cả hai quan điểm thế tục và giải thoát.

Cho nên hễ tìm đúng người bạn đó rồi thì hãy nhớ rằng: thân người khó được, gặp được người lành khó hơn, và nhất là người lành ấy lại là bạn của mình thì tiếc gì nhau!

Bài kinh Xuất Hiện

Đức Phật ngài dạy rằng các đấng Như Lai dầu có ra đời hay không, thì mọi thứ ở đời nó luôn luôn vô thường, khổ và vô ngã.

Nói theo cách nói chúng ta bây giờ thì dầu cho các nhà khoa học có ra đời hay không, thì những công thức toán, lý, hóa muôn đời nó vẫn là thế. Các nhà khoa học chỉ phát hiện, chứ không phải tạo ra những công thức, những nguyên lý ấy. Chư Phật cũng vậy. Chư Phật là những người phát hiện ra bản chất vô thường, khổ, vô ngã của đời sống, mà tất cả chúng sanh không có khả năng này.

Tức là dầu chư Phật có ra đời hay không có ra đời, thì mọi thứ ở đời cũng đều là vô ngã, vô thường.

Bài kinh này có rất nhiều ý nghĩa xuất sắc:

Một, Phật khẳng định chư Phật không phải là người tạo ra cái gọi là Chánh pháp, tạo ra phương thức tu hành, mà chư Phật chỉ là người phát hiện. Phát hiện chứ không phải tạo ra.

Hai, Ngài nói ra một sự thật mình nghe phải rùng mình. Đó là dầu chư Phật có ra đời hay không, thì trên đời này không có cái gì đáng để cho mình đắm đuối điên cuồng. Vì nó mà mình nổi điên lên vì giận. Vì nó mà mình nổi điên lên để đam mê.

Muôn thuở, muôn đời, muôn kiếp thiên thu, vạn hữu ở đời do duyên mà có, có rồi phải mất. Ngay cả chư Phật cũng không nằm ngoài vòng cương tỏa của định luật tùy duyên nhi hữu đó.

Có nghĩa là sao? Cách đây vô lượng kiếp về trước, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng là một người y chang như chúng ta. Cũng phiền não, tham, sân, si, ái, mạn, kiến, nghi đầy ắp.

Rồi có một ngày Ngài nhìn thấy cảnh sanh, già, đau, chết, Ngài mới nghĩ rằng: có sáng thì có tối, có dài có ngắn, có trắng có đen, có cao có thấp, có trong có ngoài. Hễ

đời có đau khổ thì chắc chắn có cái không đau khổ. Vậy bây giờ làm sao, làm sao để tìm ra con đường đó đây?

Ngài lại suy nghĩ con đường thứ hai. Toàn bộ

Sống của vô lượng chúng sanh trong vũ trụ này, trong cái biết của Ngài lúc đó, Ngài nói: trong nếp sống chúng sanh chỉ gồm có hai là ác và thiện. Thì mình nên sống ác để tìm con đường giải thoát, hay là nên sống thiện để tìm ra con đường giải thoát?

Tự Ngài thấy thôi. Tự Ngài thấy, thứ nhất là Ngài tin trên đời này có một cứu cánh giải thoát. Thứ hai là bằng cách nào để đến được cứu cánh đó? Thì tự Ngài nghĩ: bằng con đường nào, ác hay thiện?

Ngài thấy rằng ác là con đường không khả thi. Bởi vì khi mình sống ác là sống u mê, mà u mê làm sao mình thấy đường nữa. Vậy chỉ có con đường sống thiện thôi. Sống thiện, trước mắt thiện là ánh sáng; sống thiện thì mình mới thấy đường mình đi tiếp. Thế là Ngài sống thiện, theo đuổi lý tưởng giải thoát. Mơ hồ, mông lung vậy thôi, không có thầy bà nào dạy hết.

Khi trải qua nhiều kiếp như vậy, tấm lòng son ấy không phai nhạt. Công đức ngày một nhiều, một dày, một sâu, một nặng. Tự nhiên, với một tâm tưởng lý tưởng ấy, cộng với chùng ấy công đức thì Ngài gặp chư Phật. Chư Phật vừa nhìn thấy là biết ngay đây là chủng tánh Phật đạo đang nằm trước mắt. Thế là chư Phật thì nhau khích lệ. Phật nào gặp Ngài cũng đều nói câu, hai câu để khích lệ Ngài.

Khi nhân duyên đầy đủ rồi thì vị Phật đầu tiên thọ ký cho Ngài đó là Phật Nhiên Đăng. Tức là sau khi Ngài gặp vô số Phật rồi, không có vị nào thọ ký cho Ngài hết, thì cuối cùng đến vị Phật lần đầu thọ ký cho Ngài là Đức Phật Nhiên Đăng.

Nhiều người Việt Nam hiểu lầm, nghe vị Phật đầu tiên thọ ký cho Ngài thì hiểu “đầu tiên” nghĩa là trước Đức Phật Nhiên Đăng không có Phật nào. Không phải vậy! Giống như tôi nói: “Tôi đi cả buổi sáng ngoài chợ mà không có ai cho tôi cái gì để

ăn. Mà người đầu tiên hồi sáng giờ cho tôi chút gì để bụng chính là bà lão đó”. Nói vậy không có nghĩa là trước bà lão tôi không gặp ai. Tôi gặp nhiều lắm nhưng không ai cho tôi ăn hết. Chỉ có bà lão đó thôi. Các vị nghe kịp chưa?

Khi Ngài gặp Đức Phật Nhiên Đăng, Đức Phật Nhiên Đăng xét thấy Ngài đã trải qua 16 a-tăng-kỳ đại kiếp. A-tăng-kỳ là 10 lũy thừa 140. Ngài thấy rằng vị này đã trải qua 16 a-tăng-kỳ nuôi lớn chí nguyện Phật đạo, hôm nay là công viên quả mãn, vừa thích hợp để gặp Như Lai và Như Lai xác định vị này chắc chắn sẽ thành Phật. Ngài nhìn, Ngài biết. Thọ ký không phải là chư Phật ban cho mình cái gì hết mà chư Phật chỉ xác nhận. Điều đặc biệt là chư Phật không bao giờ nói hai lời. Cho nên khi Đức Phật nói: “Người chắc chắn sẽ thành Phật”, thì chuyện đó không thay đổi.

Khi Phật thọ ký rồi thì Bồ-tát bội phần hoan hỷ. Kể từ đó về sau Ngài đương nhiên trở thành vị Bất thối Bồ-tát, nghĩa là không có thay đổi chí hướng nữa.

Trong khi ngài Xá Lợi Phất cũng có lần nguyện thành Phật, phát nguyện rằng: “Ta sẽ thành Phật, và trong lúc hành Phật đạo như thế này, ai xin gì ta cũng cho, không màng, không tiếc”. Lúc đó có người tới xin Ngài con mắt. Thử Ngài, nhưng Ngài móc ra Ngài cho. Nhưng khi Ngài đưa con mắt cho ông, ông cầm con mắt thấy ghê quá, ông đem liệng xuống đất.

Thì Ngài nhìn, Ngài thấy chuyện mình móc ra đau đớn như vậy, con mắt là vật quý như vậy, mình móc mình cho nó mà nó cầm nó liệng, Ngài nản quá, Ngài thối chí. Thế là Ngài chuyển nguyện, không nguyện thành Phật nữa. Chỉ vì chuyện đó thôi.

Còn Bồ-tát Thích Ca Mâu Ni và vô số những Bồ-tát khác thì sao? Người ta cứ kiên trì theo đuổi, kiên trì theo đuổi. Thí dụ mình dám móc mắt cho, đó là hạnh bố thí. Đau đớn cỡ nào cũng chịu được, đó là nhẫn nại. Mà hiểu được vì sao mình lại làm chuyện này, đó chính là trí tuệ. Bố thí không phải cầu quả sanh tử mà hướng tới Phật đạo, đó chính là Ly dục ba-la-mật. Như vậy là Trí ba-la-mật, Nhẫn nại ba-la-mật, Ly dục ba-la-mật.

Ở đây tôi nói theo hệ thống Thập độ của Nam truyền chứ không phải Lục độ của Bắc truyền. Nhớ nhé!

Khi mình cho người ta mà người ta không có vẻ trân quý vật cho của mình, thì mình vẫn giữ cái Xả ba-la-mật. Cái đó mới ghê! Ngài Xá Lợi Phất thuở xưa Ngài chưa đến trình độ đó cho nên Ngài chịu không nổi.

Riêng những vị sẽ thành Phật thì họ hay lắm: cho cái khó cho, làm chuyện khó làm, mà lỡ như gặp phải sự bề bàng, ghê lạnh của thế nhân thì kệ họ. Họ không xứng đáng với tấm lòng của mình, nhưng mình vẫn đối xử với họ bằng tấm lòng của một người mẹ. Lúc bấy giờ Ngài lại thành tựu thêm một ba-la-mật nữa là Xả ba-la-mật. Khiếp như vậy. Có nghĩa là đựng đâu Ngài cũng tu được hết trơn.

Cuộc đời nó có quỳ lạy, nó liếm chườn của Ngài thì Ngài cũng coi là không có gì hết. Đó là Xả ba-la-mật. Mà nó có lấy nguyên một cái thùng rác úp lên đầu thì Ngài vẫn giữ tâm dừng dừng đó. Đó là Xả ba-la-mật.

Tại sao Ngài làm được như vậy? Vì Ngài hiểu: đời phải như vậy. Không phải như vậy không phải là đời. Đó chính là Trí tuệ ba-la-mật. Bao nhiêu cái đắng cay, chua chát Ngài giữ được, đó là Nhẫn nại ba-la-mật. Chừng ấy việc khó khăn mà Ngài vẫn làm được chỉ vì nhắm đến lý tưởng giải thoát, trở thành một vị Phật, đó là Ly dục ba-la-mật. Lòng đã quyết mà không thối chí, đó là Quyết định ba-la-mật, Nghị lực ba-la-mật, Kiên trì ba-la-mật. Nhớ nhé!

Sau khi gom đủ chừng ấy công đức, bao nhiêu hạnh lành vô lượng kiếp, cuối cùng Ngài cũng trở thành một vị Chánh đẳng chánh giác. Bao nhiêu hạnh lành ba-la-mật đó gọi gọn lại thành một chữ thôi: duyên. Do chừng ấy duyên, cuối cùng Ngài có 32 hảo tướng và trí tuệ của một vị Chánh đẳng chánh giác, tấm lòng của vị Chánh đẳng chánh giác, đạo hạnh của vị Chánh đẳng chánh giác.

Trí tuệ vị Chánh đẳng giác là không gì Ngài không biết. Tấm lòng vị Chánh đẳng chánh giác là không ai Ngài không thương. Trong lòng Ngài không hề có sự phân

biệt khi nhìn thấy một người đang có lòng giết Ngài và một người đang sẵn sàng bỏ mạng vì Ngài. Ngài coi hai người đó giống nhau. Đó là tấm lòng của vị Chánh đẳng giác.

Tôi nhắc lại:

Trí tuệ của một vị Phật là không gì không biết.

Tấm lòng của một vị Phật là không ai Ngài không thương.

Đạo hạnh của vị Chánh đẳng giác là không có đức hạnh lành nào mà Ngài không có.

Nhưng tất cả ba điều này cũng đều do các duyên mà có, duyên công đức nhiều đời mà có. Rồi có 32 hảo tướng rồi thì sao? Có trí tuệ, hạnh lành rồi thì sao? Lại lên đường đi hoằng pháp, tùy duyên một lần nữa. Đặc đạo là do các duyên rồi, đi hoằng pháp cũng lại là do các duyên. Rồi khi

Công viên quả mãn rồi, chọn một góc rừng nào đó để xả bỏ báo thân. Rồi sao nữa? Xuôi tay mà ra đi. Đời gọi là viên tịch, hoặc gọi là Bát Niết-bàn. Có nghĩa là cũng để lại cái thân này trên mặt đất đau thương này.

Như vậy thì do duyên mà Phật đến, cũng do duyên mà Phật đi. Do duyên Phật xuất hiện ở đời, cũng do duyên mà chư Phật biến mất ở đời. Như vậy, ngay cả chư Phật vĩ đại nhường ấy mà cũng không nằm ngoài vòng cương tỏa của quy luật “Vạn hữu tùy duyên nhi hữu”, nghĩa là mọi thứ ở đời do duyên mà có.

Nói như vậy có nghĩa là bản thân chư Phật còn nằm trong vòng vô thường, khổ, vô ngã, thì nói gì những thứ ngoài ra. Cho nên trong kinh này Ngài mới nói rằng: Dầu các đấng Như Lai có ra đời hay không, thì mọi sự ở đời hễ có mặt là phải vô thường, khổ, vô ngã. Đó là cái luật chung.

Còn bên các hệ Phật giáo hậu thời, họ tô vẽ Đức Phật trở thành một ông thánh, ông thần mơ hồ, lấp lánh, lung linh. Tôi phải nói rằng đó là lợi bất cập hại. Mình thương

Phật, mình quý Phật là mình phải hiểu Phật ở đâu mà có, Phật là gì, Phật đã dạy gì. Chớ không phải mình thương, mình quý rồi mình tô vẽ chung quanh Ngài một màu, một vàng sáng huyền hoặc, hoang tưởng. Cái đó là bịnh, nghe!

Mình thương má mình, là má còn sống mình chăm sóc má. Má mất rồi thì lo cho má phần mộ ngon lành. Nếu mình là Phật tử thì làm phước, thỉnh thoảng có dịp đi chùa hồi hướng cho má. Đó, hết! Rồi tiếp tục gìn giữ gia phong, nề nếp, đừng để cho má xuống mồ rồi còn mang tiếng vì mình. Đó là con có hiếu.

Chớ không nên cả lũ con ngồi thêu dệt huyền thoại về má. Bày đặt những chuyện không có mà ngồi vẽ: má tôi là bác học, má tui là tám bảng tiến sĩ, má tui biết mười lăm thứ tiếng, má tui là chính khách, má tui là dân biểu tùm lum. Làm chi!

Cho nên tôi nhắc lại: Chánh pháp không cần ai bảo vệ. Chánh pháp cần được hiểu. Đức Phật không cần ai tô vẽ, mà Đức Phật chỉ cần được hiểu.

Đối với Tăng chúng cũng vậy, mình không cần ai quỳ lạy, rồi tôn vinh, rồi rải hoa lót thảm. Phật tử mà hiểu mấy ông sư là đã mừng rồi. Hiểu tại sao mấy ông đầu trọc, hiểu tại sao ông đắp y, pháp học là gì, pháp hành là gì; thôi thì hỗ trợ cho mấy ông, đó là quý. Hiểu Tăng rồi hộ Tăng, đó chính là độ Tăng.

Còn đảng này nổi hứng lên bái sám, lụy quỳ, cúc cung tận tụy, cung đón đủ điều cho chúng nó chửi. Còn không, bữa nào mình nản mình quay ra mình chửi thì đó là trật, nghe! Cho nên Tam Bảo không cần mình tôn vinh, vẽ vời, huyền hoặc, hoang tưởng, mà cần được hiểu, nghe!

Ở đây cũng vậy. Đức Phật Ngài dạy: “Có bao nhiêu điều mà ta đã giảng dạy cho các con. Dầu ta có ra đời hay không ra đời thì những sự thật ấy muôn đời là vậy”. Muôn đời là vậy!

Bài kinh này sâu ở chỗ, khi Ngài nhấn mạnh mình mới thấy rùng mình: “Ồ, thì ra hể có mặt trên đời này, dầu thời nào đi nữa, không gian nào, thời gian nào, có chư Phật

hay không có chư Phật, thì sanh, lão, bệnh, tử, vô thường, khổ, vô ngã, rồi thì công thức vạn hữu do duyên mà có, có rồi phải mất, công thức này muôn đời nó là vậy”.

Cho nên trên đời này không có gì là thường. Chỉ có duy nhất một thứ thường thôi, đó là luật vô thường. Luật này không bao giờ biến mất khỏi cuộc đời này hết!

Tiếp theo, kinh 135.

Bài kinh nào trong Chú giải nói thoáng qua thì tôi cũng nói thoáng qua. Chúng tôi nhớ thêm gì ngộ ngộ thì nói cho quý vị nhớ thêm bài, hiểu thêm bài. Còn khi nào lười quá hoặc nhớ không ra thì thôi mình cho nó lướt qua, bởi mấy cái này bà con tự đọc được. Nhưng có một điều, tự đọc được mà đọc một mình thì làm biếng, kỳ như vậy. Buôn có bạn, bán có phường, tu học cũng cần không khí đại chúng.

Chúng tôi cũng cần sự gia trì, hà hơi tiếp sức của đám đông. Cứ đến hẹn lại lên, đúng giờ mình vô lớp mình nghe, vừa nghe vừa ngủ gật, vừa nghe vừa ngáp cũng còn hơn là không có nghe. Mình cứ tính trung bình một tuần mình có bốn ngày nghe, thì mười tuần đã có bốn mươi buổi nghe, mà mười tuần là hai tháng rưỡi. Chạy ra mình tính ba tháng đi, trừ những lúc mình nghỉ. Vậy trung bình ba tháng mình có chừng bốn mươi pháp thoại, một năm thành một trăm bốn mươi pháp thoại. Nếu mình là Phật tử, ba năm thôi là nghe cũng hơi bị nhiều rồi đó.

Nghe giảng kinh có cái lợi này là không bỏ ngang cũng bỏ dọc. Thứ hai nữa, nếu vừa nghe vừa có ghi chép, nó lạ vậy. Ai có nhớ học toán có phép lũy tiến, tức là trên nền tảng cũ, cái mới nó mới xì ra như ao bèo. Một tắc vuông, một đêm nở ra một tắc nữa, mà khi nó có hai tắc thì một đêm nó ra tới bốn tắc, rồi từ đó tám tắc... thí dụ vậy. Cho nên nghe từ từ, từ từ...

Trong đây có người nói ba thuật ngữ khó hiểu. Tôi nói thiệt, cái này từ đầu quý vị không chịu nghe, lâu lâu nhảy vô nghe ké một cái rồi vọt ra, thì tới tôi cũng không hiểu nữa, nghe! Cái đó là ráng chịu rồi, tôi không cover mấy trường hợp này.

Bài kinh Mền băng tóc (135)

Đức Phật Ngài dạy rằng, ở đây Ngài nhắc tới một chuyện mà người Việt Nam mình không biết. Trong quyển “Thuật ngữ Luật tạng Pali” chúng tôi dịch, trong đó có nhắc tới món đồ này. Tức là thời Đức Phật, y phục, chăn nệm, áo quần, người ta dùng nhiều loại vật liệu mà bây giờ không có. Thí dụ thời đó người ta dùng da thú, lông thú, cả tóc người nữa. Thì trong các thứ vật liệu đó, thời đó họ không có phương tiện tẩy rửa, tóc người được xem là dơ nhất, rẻ tiền nhất. Chớ không phải như ngày nay tóc người là thứ có giá, do có nhiều phương tiện khoa học xử lý.

Cho nên trong kinh này nói, nếu trong các chất liệu làm nên chăn, nệm, áo quần, tóc người là đáng gớm nhất, thì trong các học thuyết, học thuyết tà kiến được xem là học thuyết rẻ tiền mà nguy hiểm nhất.

Tại sao gọi là rẻ tiền và nguy hiểm như đồ băng tóc? Nó rẻ tiền là vì đoạn kiến là thứ học thuyết không cần đến tinh thần khoa học. Bởi vì cái gì tôi không biết, cái gì tôi không thấy, cái gì tôi không chứng minh được thì tôi bèn phán là cái đó không có, là xong. Đoạn kiến là như vậy.

Vấn đề ở đây, trong tinh thần khoa học, chúng ta muốn tin cái gì, ít ra chúng ta cũng phải vin, vịn, dựa, tựa vào một vài dấu vết gì đó để chứng minh, để làm điểm tựa, làm chứng cứ, luận cứ. Thì ngược lại, chúng ta muốn phản bác, muốn phủ nhận cái gì đó, thì tối thiểu chúng ta cũng phải có một bằng chứng, có cái gì đó để chứng minh chứ.

Còn đảng này mình không muốn tin nó chỉ vì đơn giản là không tìm ra cái lý do chứng minh nó có hay không có. Thế là mình đem cái ngu của mình ra làm chuẩn. Cái này không gì bậy cho bằng.

Cho nên cái học thuyết đoạn kiến, cho rằng những gì tôi không thấy là không có, là cái học thuyết ấu trĩ, tật nguyên, bệnh hoạn và vô cùng nguy hiểm. Vô cùng nguy hiểm!

Các vị nghĩ sao, trong chỗ ở chúng tôi trong rừng, thí dụ vậy. Tôi đang ở rừng châu Âu xứ lạnh thì không sao. Giả sử rừng châu Á, ban đêm mà tôi nói:

“Ban đêm nè, coi chừng rắn nghe”.

Mà quý vị nói:

“Tôi ở đây ba ngày rồi không thấy con nào, tôi không tin you”.

Quý vị nghĩ thái độ cố chấp đó có phải hại mình hại người không? Đồng ý các vị ba ngày nay không thấy con rắn nào, nhưng sao không chịu suy nghĩ: mình đang ở xứ nhiệt đới là một; thứ hai là mình có đọc sách báo hay không, khu vực phân bố các loại rắn trên toàn cầu có biết hay không.

Thí dụ có những vùng lạnh không có rắn, như Thụy Sĩ chỉ có rắn trùn, rắn đĩa, trắng tươi, không biết cắn gì hết; nhưng những vùng núi sâu Thụy Sĩ vẫn có rắn. Hoặc ở đảo Hawaii của Mỹ, ở vùng đó chất lưu huỳnh rất nhiều nên ở đó đặc biệt không có rắn. Hoặc mình biết ở Florida có bao nhiêu loại rắn độc.

Ở đây trong room các vị nói: “Ôi, tôi đâu có sách biết về rắn làm chi”. Nhưng ít ra các vị cũng biết đại khái thế này: xứ nhiệt đới là độc trùng mãnh thú, rắn độc là vấn đề bỏ ngỏ, mình không nên ầu. Thứ hai, mình nên nhớ xứ nhiệt đới ở đâu có nước nôi, có côn trùng thì có ếch nhái. Mà có nước nôi, có cỏ rác, có côn trùng, ếch nhái thì chuyện có rắn là không có gì lạ.

Đằng này kiến thức nho nhỏ vậy không có, chỉ biết là ba ngày nay không thấy, có nghĩa là ở đây không có rắn. Thì nhận thức này có phải quá sức trẻ con không?

Bài kinh 135 nội dung đơn giản thế này. Ngài dạy rằng trong tất cả học thuyết, chủ thuyết về tôn giáo tín ngưỡng, thì cái nguy hiểm nhất, bậy bạ nhất, rẻ tiền nhất chính là học thuyết đoạn kiến, phủ nhận toàn bộ triệt để những gì mình không tìm ra bằng chứng để chứng minh.

Ngài có nhắc đến tên một ông giáo chủ, ông Makkhali. Ông này là một trong lục đại giáo tổ của Ấn Độ thời đó. Ấn Độ thời đó có lục đại môn phái, thì mỗi môn phái vậy có một ông giáo tổ đứng đầu. Ông Makkhali này nổi bật trong số 6 ông về học thuyết chủ trương vô thần mà duy vật. Mà ông này là vô thần duy vật hạng nặng, cực đoan, quá khích.

Vì ông sanh ra ở cổng chuồng bò nên có cái tên hơi dài: Makkhali là tên má ông đặt cho ông. Rồi vì ông ở chuồng bò nên có tên Gosala, Makkhali Gosala. Làm ơn vô trong kinh “Sa-môn quả”, Trường Bộ Kinh. Kinh Sa-môn quả là kinh duy nhất trong kinh điển tôi được biết, trong đó nhắc đầy đủ về quan điểm, tư tưởng, học thuyết, tôn giáo của lục đại môn phái đương thời Đức Phật, rất là rõ.

Thì bài kinh 135 này chỉ vậy thôi. Ngài nói rằng trong tất cả các học thuyết tôn giáo, tư tưởng thì cái rẻ tiền nhất chính là học thuyết vô thần, duy vật, phủ nhận toàn bộ những gì mình không chứng minh được. Ở đây tôi nói không ý đá động gì đến chính trị ở đây nghe.

Ngài nói rằng một người đưa ra học thuyết đó gây họa cho đời giống như người đánh cá gây họa cho loài thủy tộc như thế nào. Người mà đi huênh hoang, ba hoa học thuyết này chỉ có gây hại cho người ta thôi, bởi người ta theo mình, người ta sống bạt mạng, không kể tới trời đất gì hết.

Bài kinh Sự Thành Tựu (136)

Hai chữ Sampada = Sampatti, nó cùng nghĩa và cùng từ căn Pali là chữ “pad”, có nghĩa là “đến, tới”.

Sampada, sampatti đều có nghĩa là thành tựu, thành công.

Ai sống trên đời cũng phải nhớ rằng thế giới này được kiến tạo trên những khái niệm đối lập tương đối nhau: thắng trầm, trong ngoài, trên dưới, thiện ác, tốt xấu, nam nữ,

dài ngắn, trắng đen, thành bại, đắc thất, phù trầm, danh hư, tiêu trường... từng cặp vậy đó.

Ngài dạy ai sống trên đời này cũng muốn được cái này, được cái kia, không ai muốn mất. Lý tưởng cao nhất trên đời sống là chữ “được”. Nhưng trong tất cả cái được về vật chất so với tinh thần thì không nghĩa lý gì hết. Trong tất cả các cái được thì chỉ có cái được về tinh thần là đáng quý nhất. Vì sao? Cái được về tinh thần sẽ tạo ra cái được về vật chất.

Cái được tinh thần là sao? Hôm qua tôi có nói về thất thánh sản, bảy cái tài sản của thánh nhân: tín, thí, giới, văn, tài, úy, trí.

Hễ mình có chánh tín, tức có niềm tin vào thiện, vào ác, niềm tin dựa trên trí tuệ, gọi là chánh tín.

“Thí” nghĩa là mình sống mà có bàn tay buông bỏ, biết chia sẻ vật chất, chia sẻ tinh thần cho người khác, gọi là “thí”.

Còn “giới” ở đây có nghĩa là tối thiểu mình cũng có được khả năng kiêng tránh những điều xấu. Đó được gọi là “giới”.

Các vị thấy lạ không? Tôi không nhắc tới số 8, số 5, năm giới, bát giới, mà tôi nói Giới đây là khả năng kiêng tránh một số tội ác nào đó.

Thí dụ như có những người mà cả đời chuyện sát sanh đối với họ là điều khó khăn. Có những người cả đời không có tham của người khác. Có những người cả đời rất ổn định về tình cảm nam nữ, quan điểm về nam nữ rất rõ ràng, không có lằng nhằng. Có những người cả đời nói dối nó khó trăm bề, thà là nói thật mà chịu thiệt thòi. Rồi có những người cả đời không có say sưa nghiện ngập. Có những người cả đời không có thích làm cái chuyện khiến người khác buồn.

Đó, thì mình chỉ cần có khả năng kiêng tránh được một số tội lỗi đó được gọi là Giới. Thì ở đây mình có thể quy ra ngũ giới, bát giới. Hoặc những điều kiêng tránh năm

ngoài Giới cũng có thể kể là Giới.

Thí dụ trong nói năng, hành xử mỗi ngày mà mình tránh làm điều gì gây tổn thất cho người khác về vật chất hay tinh thần thì gọi đó là Giới. Nghe, nhớ cái này nghe! Chớ đừng ngồi ôm con số 5 như đứa con nít còn bú bình là chết! Cứ ôm con số 5 rồi nói tôi không mắc vào năm cái đó là tôi giữ Giới. Đó là sai bét!

Mà phải nhớ rằng ngoài 5 giới ra, mình tránh được cái gì, câu nói hay hành động, cử chỉ, biểu lộ nào mà nó làm tổn thương người khác, ảnh hưởng đến quyền lợi, lợi ích người khác đều được gọi là Giới hết.

Như vậy, trên đời này có nhiều thứ tài sản, nhưng đây Đức Phật Ngài dạy trong định nghĩa của thánh nhân thì đây là 7 thứ tài sản mà quý vị có thể lặn lưng và tha hồ luân hồi, ở đâu quý vị cũng là sung sung sướng sướng, vui vui vẻ vẻ hết.

Bảy tài sản đó là:

Một là chánh tín, là niềm tin vào lẽ thiện.

Thứ hai, Thí là khả năng chia sẻ vật chất, tinh thần đến kẻ khác.

Thứ ba, Giới là khả năng sống đạo hạnh ít nhiều.

Thứ tư, Văn là khả năng lắng nghe. Sống trong cõi luân hồi này xin lỗi chớ mình giống như cái thùng rác vậy đó.

Có nghĩa là, nếu không có gì học, không có gì thêm trong đầu mình, thì đầu mình toàn là rác không hà. Nhưng nhờ cái đầu mình có thông thương, nước có ra vô; mình có lắng nghe, mình có học hỏi, có ghi nhớ, có nhận xét, có thẩm thấu, có thẩm thía, có tiêu hóa, cho nên từ cái thùng rác mới chuyển qua là cái két sắt. Đó, cái két sắt đựng đồ quý.

Còn không thì tiếng Mỹ kêu là “container”, là vật đựng. Cái vật đựng ở đây nghĩa rộng lắm. Có thể là cái hộp bằng nhựa đựng ba thứ tào lao, Mỹ cũng kêu “container”.

Mà cái tủ sắt to thùng, nếu cần, Mỹ cũng kêu “container”. Một cái thùng sắt người ta chuyển hàng trên tàu hàng hải quốc tế cũng kêu “container”. Nhưng đặc biệt ở chỗ là tùy cái container đó nó đựng cái gì thôi.

Nếu mình không biết Phật pháp, không có khả năng lắng nghe thì cái container của mình chỉ là cái thùng rác thôi. Nhưng nếu mình có lắng nghe, có học hỏi, có suy tư, có thẩm thấu, có tiêu hóa, thì container lúc bấy giờ nó không là thùng rác nữa, mà nó là quần áo, đồ hiệu; từ từ nó lên tới cái két sắt, đựng toàn đồ quý. Đó là cái Văn.

Thứ năm, thứ sáu là Tàm, Úy.

Tàm là khả năng biết thẹn trước những điều quấy, trước những hành động, suy nghĩ và lời nói sai lầm. Còn “úy” là biết sợ khi nói, làm, suy nghĩ điều tội lỗi.

Thứ bảy, Trí là khả năng biện biệt, phân biệt cái gì tốt, cái gì xấu, cái gì nên, cái gì không nên, cái gì là lợi, cái gì là hại cho mình, cho người, đời này, kiếp sau.

Bảy thứ trên được gọi là bảy tài sản trong định nghĩa của Thánh nhân, chứ không phải là bảy tài sản của riêng Thánh nhân.

Ở đây cũng vậy. Đức Phật Ngài dạy ai sanh ra trên đời cũng mong chữ “được” (sampada, sampatti). Nhưng Ngài nói được cái gì? Được có nhiều kiểu được. Có chỗ Ngài kể năm, kể tám, kể mười. Nhưng ở đây Ngài nhìn cái đám trước mặt Ngài, Ngài nghĩ, Ngài biết cái đám này kể ba nó còn nhớ, chớ nói bốn, nói năm là nó quên luôn. Cho nên Ngài chỉ nói có ba. Đó là ba cái thành tựu, ba chữ “được”: được về Chánh tín, được về Giới và được về Trí.

Chỉ cần có ba cái này thì có vô lượng phước lành khác. Điều này không có sai! Bởi vì có Chánh tín, tức là có niềm tin có trí tuệ làm nền tảng. Thứ hai là có Giới, bởi vì trong kinh nói Giới là phương tiện di chuyển cho người giải thoát. Giới chính là đôi chân, Giới chính là xe, thuyền, là phương tiện đi lại của người tu hành. Chính vì có Giới, mình mới lìa bỏ được bốn cái ác xứ, bốn đọa xứ. Bởi vì không có Giới thì sở

hành của chúng ta y chang như loài cầm thú. Nhe, nhớ cái này. Không có Giới tức là không có tránh, không biết tránh điều quấy, thì chúng ta y chang như loài cầm thú. Mà hễ giống loài cầm thú thì chết rồi phải trở về với loài sa đọa nói chung.

Tôi nhắc lại lần nữa. Tại sao Giới quan trọng?

Giới hạnh giúp ta bỏ đi những kiểu sinh hoạt thấp kém của loài thấp kém. Bởi vì chuyện đầu tiên, tôi không biết anh có bổ thí hay không, có thiên định, có trí tuệ hay không. Tôi chỉ biết rằng anh nói, anh làm, anh suy nghĩ không theo kiểu rẻ tiền là coi như anh đã không có đường quay lui về cái đám thấp kém rồi.

Còn đẳng này, kiểu nói, kiểu làm tào lao của anh, xin lỗi anh nghe! Anh không có Giới, không biết kiêng tránh những cái thấp kém, thì anh có khác gì loài heo, chó, dê, bò. Không có khác! Con heo, chó, dê, bò... chỉ có bốn cái thôi: đói ăn khát uống là một; đực cái, trống mái tìm nhau là hai; khả năng phản vệ là ba. Phản vệ là phản ứng và tự vệ. Nếu nó là loài hung dữ thì bị tấn công, nó sẽ khè, nó xực lại. Còn nếu nó là loài hiền, nhát, yếu thì nó bỏ chạy.

Thì mình thấy ba khả năng này, nói ra quý vị buồn, nói tôi rửa quý vị, chớ nó là sự thực. Con người nếu không có giới hạnh, không có trí tuệ, thì con người nó y chang như con thú. Vì sao? Vì ba cái khả năng đó ở người và thú giống nhau.

Tôi nói huých tẹt luôn. Các vị nói với tôi các vị có bằng kỹ sư, bằng bác sĩ, các vị có học vị, học thức, có chỗ đứng trong xã hội đúng không? Tôi nói thẳng ra nhe, nếu một ông bác sĩ chỉ có cơm gạo áo tiền, chỉ biết cầm đầu lo cho mái nhà của mình, nó y chang như con chim thôi quý vị à. Y như con chim ăn rồi bay đi kiếm mồi, chớ có cái gì đâu. Có điều ông này ổng không có bay, ổng lại lái xe. Con chim dùng mỏ tha con sâu, còn ông này lấy cái bằng cấp tha mấy tờ dollar về, ổng lo cho cái ổ của ổng mà mình gọi nó là cái nhà! Mà mình tự gạt mình, mình nói mình là bác sĩ, là luật sư. Xin lỗi, là mình đi kiếm ăn. Chỉ là kiếm ăn thôi!

Rồi chỉ biết quần quanh có vợ, mấy đứa con, rồi mái nhà, mấy chiếc xe, rồi tự hào, tự đắc, dương dương cái mặt. Mà đâu có ngờ giờ nó bị stroke, bị lệch cái miệng, nước miếng chảy ròng ròng, thì cái bác sĩ, kỹ sư lúc đó còn giá trị nữa không? Không! Đời sống tinh thần mà nó nghèo nàn rồi thì tới lúc mà họa nó tới, chỉ có nước mà chết thôi! Làm ơn nhớ dùm cái này!

Cho nên ở đây Đức Phật nói ba cái thành tựu, ba cái được (sampada) là:

Thứ nhất là Chánh tín.

Là niềm tin của mình vào cuộc đời. Cuộc đời không có niềm tin lấy gì mà sống. Nhưng ở đây mình phải nhấn mạnh là Chánh tín, tức là niềm tin vào lẽ thiện ở đời. Tin rằng làm thiện được vui, làm ác bị khổ. Đó là lẽ thật ở đời. Chúng ta tin rằng mọi thứ do duyên mà có, có rồi phải mất. Cái thấy đó là Trí, nhưng niềm tin đó chính là Chánh tín.

Sẵn đây tôi tặng các vị một câu bằng vàng:

“Thánh nhân khác phàm nhân ở chỗ: Thánh nhân tin chắc vào điều họ thấy và thấy rõ cái điều họ tin. Còn phàm phu không thấy rõ cái điều mình tin nên không tin lắm cái điều mình thấy.”

Miệng mình nói vô ngã, vô thường, nhưng mà đụng tới vợ chồng, con cái mình, đụng tới nhà, xe của mình là mình nhảy dựng lên. Điều đó có nghĩa là mình không tin lắm cái điều mình thấy và mình thấy không rõ lắm cái điều mình tin.

Cho nên ở đây mình học ba cái được.

Cái được thứ nhất là cái được về Chánh tín, tức là tin vào lẽ thiện ở đời, tin vào lý nhân quả, tin vào lý Tam tướng. Tin lý nhân quả là thiện ác phân minh. Tin Tam tướng là tin rằng cái gì có rồi cũng phải mất. Thấy cái đó là Trí, mà tin vào đó là Chánh tín.

Thứ hai, cái được về Giới.

Là khả năng kiêng tránh những điều gì hại mình, hại người.

Thứ ba, Tuệ.

Là thấy được hai điều vừa nói gọi là Tuệ.

Có được ba cái này mới đúng là ba cái được, thành tựu. Từ ba cái được này mới dẫn tới vô vàn những cái được khác trong đời. Ba cái “được” này là được “mẹ”, những cái

được kia là được “con”.

Ba cái được này là gốc của tất cả các cái được khác. Do ba cái được này mới dẫn tới các quả nhân thiên, quả vị giải thoát.

Bây giờ mình làm thêm bài nữa, Kinh 137. Có vấn đề là Kinh này muốn giảng lắm nhưng không muốn giảng, là vì các kinh sau có nội dung trùng, tương tự nhau. Bây giờ giảng mà cắt một khúc, tới bữa thứ Năm tôi quay trở lại bà con bị loãng đi.

Thôi thì hẹn nhau thứ Năm đi cho nó thoải mái. OK!

Chúc các vị một ngày vui, một đêm an lành!